

Số/ No: 08672.2505/KQ-VTT

Mã số/ Code: KH.3324 2505

Mã số mẫu/ Sample code: PTN.08562 2505

Trang/ Page: 1/ 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
Địa chỉ/ Address : Số 05 Hải Dương, Phường 1, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 13/05/2025 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 13-17/05/2025
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 19/05/2025
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 1 L
Tên mẫu/ Name of sample : Nước bể chứa nhà máy nước Đồng Xuân
Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong can nhựa

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3030 A&E: 2023; SMEWW 3113 B: 2023	Không phát hiện (LOD = 0,002)	mg/L

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.

Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.

Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.

LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.

(*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).

(s/c) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (s/c): Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trưởng



GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ThS. Nguyễn Văn Tâm

Số/ No: 08673.2505/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.3324 2505
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.08563 2505
Trang/ Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN
Địa chỉ/ Address : Số 05 Hải Dương, Phường 1, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 13/05/2025 Thời gian phân tích/ Time of analysis: 13-17/05/2025
Ngày trả kết quả/ Date of issue : 19/05/2025
Loại mẫu/ Kind of sample : Nước sạch Số lượng mẫu/ Quantity of sample: 1 L
Tên mẫu/ Name of sample : Nước trên mạng nhà máy nước Đồng Xuân
Tình trạng mẫu / State of sample : Đựng trong can nhựa

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3030 A&E: 2023; SMEWW 3113 B: 2023	Không phát hiện (LOD = 0,002)	mg/L

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.
(*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (s/c): Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

[Signature]

ThS. Huỳnh Ngọc Trường



GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

[Signature]

ThS. Nguyễn Văn Tâm

Số/ No: 08674.2505/KQ-VTT
Mã số/ Code: KH.3324 2505
Mã số mẫu/ Sample code: PTN.08564 2505
Trang/ Page: 1/ 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TESTING REPORT

Tên khách hàng/ Client : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**
Địa chỉ/ Address : **Số 05 Hải Dương, Phường 1, Tp. Tuy Hòa, Phú Yên**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **13/05/2025** Thời gian phân tích/ Time of analysis: **13-17/05/2025**
Ngày trả kết quả/ Date of issue : **19/05/2025**
Loại mẫu/ Kind of sample : **Nước sạch** Số lượng mẫu/ Quantity of sample: **1 L**
Tên mẫu/ Name of sample : **Nước cuối mạng nhà máy nước Đồng Xuân**
Tình trạng mẫu / State of sample : **Đựng trong can nhựa**

STT/ No.	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM/ PARAMETERS	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH/ TESTING METHOD	KẾT QUẢ/ RESULT	ĐƠN VỊ TÍNH/ UNIT
1	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3030 A&E: 2023; SMEWW 3113 B: 2023	Không phát hiện (LOD = 0,002)	mg/L

Ghi chú/ Notes:

Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử/ The results are valid only for testing sample.
Tên mẫu theo khách hàng yêu cầu/ Name of samples as the client's requirement.
Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Time-limit of storage: 5 days from reporting date.
LOD: Giới hạn phát hiện / LOD: Limit of Detection.
(*) : Chỉ tiêu được VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2017/ Items were accredited by VILAS (ISO/IEC 17025:2017).
(s/c): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (s/c): Items are tested by subcontractor

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG
QUALITY MANAGER

ThS. Huỳnh Ngọc Trường



ThS. Nguyễn Văn Tâm